

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính
trong lĩnh vực giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020.

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.

Căn cứ Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết “Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Báo cáo thẩm tra số/BC-BPC ngày tháng năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ được quy định tại Nghị

định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng; Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

2. Những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ không quy định trong Nghị quyết này thì áp dụng theo Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng; Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

3. Hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả, trừ điểm giấy phép lái xe đối với các hành vi vi phạm hành chính tại Nghị quyết này được áp dụng theo Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng; Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 3. Các hành vi vi phạm hành chính áp dụng mức phạt tiền quy định tại Nghị quyết này

1. Các hành vi vi phạm quy định tại:

a) Điểm a khoản 1, điểm a, d, đ khoản 2, điểm c, d, đ, e khoản 3, điểm b, e khoản 4, điểm a, b, đ khoản 5, điểm a, b khoản 6, điểm a khoản 7 Điều 6; điểm a, e khoản 1, điểm a, d, e, g, h, i khoản 2, điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 3, điểm a, c khoản 4 Điều 7; điểm e, g khoản 2, khoản 5, điểm d khoản 6, khoản 7, khoản 9, điểm a khoản 11 Điều 12; khoản 2, 3, 4 Điều 17; điểm a, c, d, g khoản 5 Điều

20; điểm a, d khoản 5, điểm a, b khoản 6, khoản 7, điểm a, b khoản 8 Điều 21; khoản 3, 5, điểm đ khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 11, điểm a, c khoản 13, điểm đ, e, g khoản 14 Điều 32; điểm a, b, c khoản 3, khoản 4 Điều 34; điểm b khoản 2 Điều 36; điểm a, c khoản 3 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 40 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

b) Khoản 2, 3, 4 Điều 13; khoản 5 Điều 15; điểm s khoản 4, điểm a, i khoản 6, điểm c khoản 7 Điều 28 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải).

2. Các hành vi vi phạm quy định tại: điểm i khoản 5, điểm c khoản 6, điểm a khoản 9, điểm a, b, c, d khoản 11 Điều 6; điểm a, b khoản 6, khoản 8, điểm a, d, đ, e, g, k khoản 9 Điều 7; khoản 12 Điều 12; khoản 15 Điều 32; khoản 5 Điều 34 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Điều 4. Mức phạt tiền

1. Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này bằng 02 lần (hai lần) mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính tương ứng tại Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe; Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải).

2. Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này bằng 1,5 lần (một phẩy năm lần) mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính tương ứng tại Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Điều 5. Thẩm quyền xử phạt

Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

xe; Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải) có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng 7 năm 2025.
2. Đối với những hành vi vi phạm quy định tại Điều 3 Nghị quyết này xảy ra trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì không áp dụng mức phạt tiền quy định tại Nghị quyết này mà áp dụng mức phạt tiền quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:
 - a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
 - b) Trong trường hợp Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ có sự thay đổi, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức nghiên cứu, tổng hợp và trình Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị quyết cho phù hợp.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứtháng qua ngày....tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Giao thông vận tải, Công an;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đoàn ĐB Quốc hội TP Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy,
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công GTĐT Thành phố, Công báo Thành phố;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn